

Số phiếu:
(Thí sinh không phải ghi mục này)**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC – CAO ĐẲNG – CAO ĐẲNG NGHỀ****Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh****I. Thông tin thí sinh**

1. Họ và tên thí sinh: 2. Số CMND
3. Phái: 4. Ngày sinh: 5. Dân tộc:
6. Đối tượng ưu tiên:
7. Hộ khẩu thường trú: (ghi rõ xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố)
8. Học sinh trường THPT:
- Lớp 10:
- Lớp 11:
- Lớp 12:
9. Thuộc khu vực nào thi quanh tròn khu vực đó: KV1, KV2-NT, KV2, KV3.
10. Năm tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương): 11. Địa chỉ báo tin:
- 12. Điện thoại:

II. Phần dành cho thí sinh đăng ký xét tuyển Đại học

13. Nguyên vọng đăng ký xét tuyển vào các ngành:

Tên ngành NV1:

Tên ngành NV2:

14. Tổ hợp môn xét tuyển:

- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán, Vật lý, Hóa học (Thí sinh chọn tổ hợp môn có điểm cao nhất để đánh dấu vào)
- Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Vật lý, Tiếng Anh

15. Điểm trung bình học tập (theo học bạ):

Điểm trung bình theo tổ hợp môn xét tuyển (nếu chưa có điểm trung bình cả năm lớp 12 thì để trống)						
	HK1-10	HK2-10	HK1-11	HK2-11	HK1-12	Cả năm lớp 12
Toán						
Vật lý						
Hóa học						
Ngữ văn						
Tiếng Anh						
Sinh học						

III. Phần dành cho thí sinh đăng ký xét tuyển Cao đẳng

16. Nguyên vọng đăng ký xét tuyển vào các ngành:

Tên ngành NV1:

Tên ngành NV2:

IV. Phần dành cho thí sinh đăng ký xét tuyển Cao đẳng nghề

17. Nguyên vọng đăng ký xét tuyển vào các nghề:

Tên nghề NV1:

Tên nghề NV2:

....., ngày.....tháng.....năm 2016

Người thu hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ tên, đơn vị)

....., ngày.....tháng.....năm 2016

Thí sinh
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ gồm: 1. Phiếu ĐKXT (phiếu này); 2. Học bạ (Photo công chứng); 3. Bảng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (Photo công chứng); 4. Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có). Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày 15/3/2016 đến 31/10/2016 (đối với hệ Đại học), đến 15/11/2016 (đối với hệ cao đẳng), đến 10/12/2016 (đối với hệ cao đẳng nghề); Xét tuyển liên tục cho đến khi đủ chỉ tiêu.

DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ TUYỂN SINH NĂM 2016

I. Các ngành đào tạo đại học, cao đẳng: 1550 chỉ tiêu Đại học; 300 chỉ tiêu Cao đẳng.

TT	Tên ngành	Mã ngành Đại học	Mã ngành Cao đẳng
1	Công nghệ kỹ thuật ô tô	D510205	C510205
2	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	D510201	C510201
3	Công nghệ chế tạo máy	D510202	C510202
4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	D510301	C510301
5	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	D510303	C510303
6	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	D510302	C510302
7	Công nghệ thông tin	D480201	C480201
8	Kế toán	D340301	C340301
9	Quản trị kinh doanh	D340101	C340101
10	Sư phạm kỹ thuật công nghiệp	D140214	C140214
11	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử		C510203
12	Công nghệ hàn		C510503

II. Các nghề đào tạo cao đẳng nghề: 850 chỉ tiêu.

TT	Tên nghề	Mã nghề	Nghề trọng điểm
1	Điện công nghiệp	N510302	Quốc tế
2	Công nghệ ô tô	N510222	Quốc tế
3	Cắt gọt kim loại	N510201	Quốc tế
4	Điện tử công nghiệp	N510345	Quốc tế
5	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	N510339	Khu vực Asean
6	Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp	N510316	Khu vực Asean
7	Hàn	N510203	Khu vực Asean
8	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	N480211	Khu vực Asean
9	Lắp đặt thiết bị cơ khí	N540209	Khu vực Asean
10	Công tác xã hội	N760101	Quốc gia
11	Chế tạo thiết bị cơ khí	N510208	Quốc gia
12	Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính	N480101	Quốc gia
13	Quản trị mạng máy tính	N480206	Quốc gia
14	Cấp thoát nước	N510104	Quốc gia
15	Nguội sửa chữa máy công cụ	N510206	Quốc gia
16	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	N510243	Quốc gia
17	Kế toán doanh nghiệp	N340301	Quốc gia
18	Marketing thương mại	N340117	Quốc gia